TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN
**PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022*

# BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
## HỌC KỲ: VI - NĂM HỌC: 2019 -2020

**Lớp:** 18CTT2 **Số tín chỉ:** 02 **Ngày thi:** 28/11/2021
**Môn:** Dịch tổng hợp (Môn thay thế) **Hệ:** CĐCQ
**Địa điểm thi:** Thi Online **Hình thức thi:** Vấn đáp/Thực hành

| TT | Họ và chữ lót | Tên | Ngày sinh | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Thị Thúy | An | 05/02/2000 | 8.0 | Tám | |
| 2 | Cao Thị Kim | Anh | 12/09/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 3 | Trần Thị Hồng | Cẩm | 31/05/1999 | 7.5 | Bảy năm | |
| 4 | Huỳnh Thị Kim | Đào | 13/06/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 5 | Nguyễn Thị Trương | Hằng | 03/11/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 6 | Nguyễn Thị | Hằng | 11/07/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 7 | Võ Huỳnh Trầm | Hương | 08/09/1999 | 7.0 | Bảy | |
| 8 | Hoàng Thị | Huyền | 05/11/2000 | 8.0 | Tám | |
| 9 | Trần Thị Thanh | Huyền | 07/11/2000 | 6.5 | Sáu năm | |
| 10 | Huỳnh Kim | Khánh | 02/09/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 11 | Phạm Thị Ngọc | Kiều | 29/08/2000 | 8.0 | Tám | |
| 12 | Lê Thị Ngọc | Kim | 20/02/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 13 | Nguyễn Trinh Diệu | Linh | 23/09/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 14 | Nguyễn Thị | Mến | 04/04/2000 | 6.5 | Sáu năm | |
| 15 | Nguyễn Diệp Kim | Ngân | 16/04/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 16 | Bạch Như | Ngọc | 11/05/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 17 | Bùi Thị Mỹ | Ngọc | 02/02/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 18 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 14/04/2000 | 6.5 | Sáu năm | |
| 19 | Lư Duy | Phong | 24/5/1999 | 7.0 | Bảy | |
| 20 | Kiều Nguyễn | Phúc | 09/09/1999 | 7.5 | Bảy năm | |
| 21 | Phạm Thị Diễm | Phúc | 17/08/2000 | 6.5 | Sáu năm | |
| 22 | Nguyễn Thị Nguyệt | Quế | 29/10/2000 | 8.0 | Tám | |
| 23 | Trần Thị Mỹ | Quyên | 22/05/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 24 | Nguyễn Tấn | Tài | 11/04/1998 | 7.0 | Bảy | |

| TT | Họ và chữ lót | Tên | Ngày sinh | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Võ Thị Hồng | Thắm | 01/04/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 26 | Nguyễn Hà | Thanh | 20/09/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 27 | Đặng Thị | Thảo | 15/07/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 28 | Đỗ Trần Mai | Thảo | 17/05/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 29 | Phạm Hoàng | Thiên | 10/03/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 30 | Võ Thị Thanh | Thiệp | 07/12/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 31 | Nguyễn Thị Kim | Thoa | 03/05/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 32 | Lê Thị Anh | Thư | 20/6/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 33 | Trần Thị Hoàng | Thương | 27/02/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 34 | Lê Thị Cẩm | Tiên | 01/11/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 35 | Nguyễn Thùy Đan | Trinh | 04/09/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 36 | Phạm Thị Hồng | Tuyên | 26/12/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 37 | Cao Hà | Văn | 16/10/2000 | 8.0 | Tám | |
| 38 | Nguyễn Thanh Tường | Vy | 16/09/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 39 | Mai Anh | Xuân | 21/05/2000 | 7.0 | Bảy | |
| 40 | Liêu Hải | Yến | 07/05/2000 | 7.5 | Bảy năm | |
| 41 | Trương Nguyễn Hoàng | Yến | 07/04/1999 | 7.5 | Bảy năm | |

*Số SV dự thi: 41*

*Số SV vắng thi: 01*

**Phòng Khảo thí & ĐBCL**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy